|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2024* |

**Dự thảo**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

 *(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh)*

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo đánh giá tác động cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thanh Hoá là tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ có đường bờ biển dài 102 km, trải dài qua 6 huyện, thị xã, thành phố ven biển, các khu vực ven biển của tỉnh được thiên nhiên ban tặng với những bãi biển đẹp, có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng và các khu nghỉ mát khác như Hải Tiến - Hoằng Hóa, Hải Hòa - Nghi Sơn,… có tiềm năng rất lớn phát triển thành những khu du lịch, đô thị biển hiện đại, hấp dẫn, thân thiện, đô thị du lịch trọng điểm quốc gia, điểm đến lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế, điển hình là các dự án: Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn (từ phường Quảng Cư đến phường Bắc Sơn), Dự án quảng trường biển - Sầm Sơn; Khu du lịch, đô thị ven biển huyện Quảng Xương, Flamingo Hải Tiến - Hoằng Hóa; khu du lịch Linh Trường - Hoằng Hóa…

Đồng thời vùng biển Thanh Hóa là một trong những ngư trường quan trọng, có tính đa dạng sinh học cao nơi trú ngụ, sinh sản và phát triển của đa số các loài thủy sản có trong Vịnh Bắc Bộ. Tỉnh Thanh Hóa có đội tàu khai thác thủy sản lớn, với số lượng 6.685 chiếc; trong đó: 4.7527 chiếc hoạt động ở vùng biển ven bờ (tàu cá có chiều lớn nhất dài dưới 12m), chiếm 71% tổng số tàu cá, thu hút khoảng trên 6.400 lao động trực tiếp *(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)*.; qua thống kê, rà soát có khoảng 1.788 tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại các khu du lịch biển, hầu hết là các tàu cá đi về trong ngày, sản phẩm thủy sản bốc dỡ tại các bờ biển, khu du lịch gây mất mỹ quan, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, thu hẹp không gian du lịch ven biển.

Để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của biển góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Thanh Hóa thành một trong những trung tâm du lịch của cả nước; đồng thời, phát triển thủy sản gắn với nâng cao đời sống vật chất tinh thần của ngư dân, xây dựng cảnh quan ven biển xanh, sạch đẹp, hiện đại, bảo đảm không gian biển cho phát triển du lịch biển; giảm dần theo lộ trình nghề khai thác không thân thiện với môi trường, tàu cá thô sơ không đảm bảo an toàn, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản vùng bờ hợp lý, gắn với phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với du lịch sinh thái, nghề cá giải trí; đảm bảo thực hiện mục tiêu đến 2045 cắt giảm 40% tàu cá hoạt động vùng ven bờ theo nội dung Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái. Do đó, việc xây dựng cơ chế, chính sách giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là thực sự cần thiết.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Hỗ trợ kinh phí cho ngư dân giải bản tàu cá tại các khu du lịch biển; đồng thời hỗ trợ ổn định sinh kế, ổn định đời sống, đào tạo, chuyển đổi nghề mới, nâng cao thu nhập, cải hoán tàu cá ven bờ thành tàu khai thác ở vùng lộng nhằm giảm áp lực khai thác ven bờ, tạo sinh kế ổn định, bền vững góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ven biển.

Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu phát triển du lịch biển với phát triển kinh tế thủy sản bền vững; xây dựng, phát triển các khu du lịch biển hiện đại, hấp dẫn, thân thiện, môi trường cảnh quan ven biển sạch đẹp, thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng du lịch, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với các khu du lịch biển.

Giảm dần theo lộ trình nghề khai thác không thân thiện với môi trường, tàu cá thô sơ không đảm bảo an toàn, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản vùng bờ hợp lý, gắn với phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với du lịch sinh thái, nghề cá giải trí.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Tên gọi của chính sách:** Cơ chế, chính sách Hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển.

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Hiện nay, khu vực ven biển của tỉnh đã có nhiều dự án du lịch được triển khai xây dựng hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, tuy nhiên việc các tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu, bốc dỡ sản phẩm thủy sản tại bờ biển của các khu du lịch gây mất mỹ quan, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, thu hẹp không gian du lịch ven biển. Do đó, cần thiết nghiên cứu, có phương án giải quyết để không làm ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển du lịch địa phương.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Giảm áp lực khai thác thủy sản vùng ven bờ, giảm số tàu cá thô sơ không đảm bảo an toàn.

- Tạo môi trường cảnh quan ven biển sạch đẹp, thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng du lịch.

- Thực hiện mục tiêu đến 2045 cắt giảm 40% tàu cá hoạt động vùng ven bờ theo nội dung Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

**3. Giải pháp đề xuất:** Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá cho các chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12m (hoạt động vùng ven bờ) tại các khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng của các khu du lịch biển đã được quy hoạch/dự án đang triển khai. Các chủ tàu sau khi giải bản phải cam kết không đóng mới, mua mới tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ

**4. Đánh giá tác động của giải pháp**

*4.1. Đối tượng chịu tác động trực tiếp:* Chủ tàu cá ven bờ

- Tác động tích cực: Các chủ tàu được hỗ trợ có điều kiện về nguồn vốn để đóng mới, mua mới tàu cá lớn (vùng lộng, vùng khơi) hoặc chuyển đổi từ các nghề khai thác ven bờ thiếu bền vững sang các ngành nghề khác, đảm bảo sinh kế lâu dài.

- Tác động tiêu cực: Nhiều ngư dân có trình độ học vấn thấp gặp khó khăn trong quá trình tìm kiếm nghề mới; việc chuyển từ các nghề khai thác ven bờ sang khai thác vùng lộng, vùng khơi đòi hỏi thời gian.

*4.2. Đối tượng chịu tác động gián tiếp:* Lao động làm việc trong lĩnh vực buôn bán thủy sản, hậu cần cung cấp ngư lưới cụ, trang thiết bị: Nguồn cung cấp thủy sản, lượng khách hàng sẽ giảm, tuy nhiên không đáng kể do nguồn cung cấp thủy sản, khách hàng chính của nhóm đối tượng này là các tàu cá lớn khai thác vùng lộng và vùng khơi.

*4.3. Tác động đối với Hệ thống pháp luật:* Không có. Tuy nhiên việc ban hành chính sách có thể làm cơ sở để Chính quyền địa phương vận động, khuyến khích các chủ tàu giải bản, chuyển đổi nghề.

*4.4. Tác động về kinh tế - xã hội:*

*4.4.1. Tác động đối với phát triển du lịch:*

- Tác động tích cực: Tạo môi trường cảnh quan ven biển sạch đẹp, thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng du lịch biển.

- Tác động tiêu cực: có thể ảnh hưởng đến việc phát triển các hoạt động du lịch trải nghiệm văn hóa vạn chài, du lịch kết hợp câu cá giải trí. Để giảm tác động tiêu cực, các địa phương cần có kế hoạch và phương án đánh giá cụ thể khi triển khai.

*4.4.2. Tác động đối với phát triển thủy sản:*

- Tác động tích cực: Giảm áp lực khai thác thủy sản vùng ven bờ, giảm số tàu cá thô sơ không đảm bảo an toàn.

- Tác động tiêu cực: Giảm sản lượng thủy sản khai thác, số lượng lớn lao động nghề cá cần bố trí việc làm mới, ảnh hưởng đến ổn định sinh kế, thu nhập của ngư sau giải bản.

*4.5. Tác động về giới:* Không có.

*4.6. Tác động về thủ tục hành chính:* Làm tăng thêm thủ tục hành chính do cần quy định cụ thể, chi tiết về trình tự, cách thức thực hiện chính sách.

 *4.7. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:*

*-* Thực hiện giải bản tàu cá phân kỳ theo từng năm, tránh thực hiện ồ ạt dẫn đến một lượng lớn lao động không có việc làm gây áp lực lớn đối với an sinh xã hội và an ninh trật tự.

- Việc thực hiện giải bản phải gắn liền với duy trì phát triển văn hóa làng chài truyền thống, khuyến khích các hoạt động du lịch trải nghiệm, kết hợp cầu cá giải trí.

**III. PHỤ LỤC KÈM THEO**

- Phụ lục 1: Số liệu tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại các dự án, khu du lịch biển.

- Phụ lục 2: Tổng hợp nhu cầu giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

**PHỤ LỤC 1: Số liệu tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại các dự án, khu du lịch biển**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương** | **Tàu cá ven bờ** | **Trong đó tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại dự án, khu du lịch biển** |
| **Thúng, mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng số** | **Thúng, mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng số** |
| 1 | Huyện Nga Sơn |   | 4 |   | 197 | 201 |   |   |   |   | 0 |
| 2 | Huyện Hậu Lộc |   | 3 | 25 | 161 | 189 |   |   |   |   | 0  |
| 3 | Huyện Hoằng Hóa | 6 | 26 | 729 | 87 | 848 | 6 |   | 292 |   | 298 |
| 4 | TP Sầm Sơn | 538 | 35 | 759 | 57 | 1.389 | 538 | 35 | 759 | 53 | 1.385 |
| 5 | Huyện Quảng Xương |   |   | 463 | 13 | 476 |   |   |   |   |  0 |
| 6 | TX Nghi Sơn | 285 | 59 | 580 | 696 | 1.620 | 11 | 0 | 94 |   | 105 |
| 7 | TP Thanh Hóa |   |   |   | 29 | 29 |   |   |   |   | 0  |
| **Tổng cộng** | **829** | **127** | **2.556** | **1.240** | **4.752** | **555** | **35** | **1.145** | **53** | **1.788** |

**PHỤ LỤC 2: Tổng hợp nhu cầu giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| **TT** | **Địa phương** | **Số lượng dự kiến giải bản tại các địa phương giai đoạn 2025-2030 (chiếc)** | **Dự toán chi phí giải bản tại các địa phương giai đoạn 2025-2030 (Triệu đồng)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng cộng** | **Mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng dự toán** | **Mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** |
| **Tổng cộng** | **937** | **335** | **22** | **548** | **32** | **105.670** | **6.700** | **1.210** | **87.680** | **10.080** |
| **1** | **2025** | **193** | **63** | **4** | **120** | **6** | **22.570** | **1.260** | **220** | **19.200** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 42 | 0 | 0 | 42 | 0 | 6.720 | 0 | 0 | 6.720 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 12 | 9 |  | 2 | 1 | 815 | 180 | 0 | 320 | 315 |
| **2** | **2026** | **169** | **63** | **5** | **95** | **6** | **18.625** | **1.260** | **275** | **15.200** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 13 | 0 | 1 | 12 | 0 | 1.975 | 0 | 55 | 1.920 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 17 | 9 |  | 7 | 1 | 1.615 | 180 | 0 | 1.120 | 315 |
| **3** | **2027** | **175** | **65** | **5** | **99** | **6** | **19.305** | **1.300** | **275** | **15.840** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 16 | 0 | 1 | 15 | 0 | 2.455 | 0 | 55 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 20 | 11 |  | 8 | 1 | 1.815 | 220 | 0 | 1.280 | 315 |
| **4** | **2028** | **179** | **66** | **4** | **103** | **6** | **19.910** | **1.320** | **220** | **16.480** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 15 | 0 | 0 | 15 | 0 | 2.400 | 0 | 0 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 25 | 12 |  | 12 | 1 | 2.475 | 240 | 0 | 1.920 | 315 |
| **5** | **2029** | **113** | **38** | **2** | **69** | **4** | **13.170** | **760** | **110** | **11.040** | **1.260** |
| - | Sầm Sơn | 70 | 27 | 2 | 38 | 3 | 7.675 | 540 | 110 | 6.080 | 945 |
| - | Hoằng Hóa | 15 | 0 | 0 | 15 | 0 | 2.400 | 0 | 0 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 28 | 11 |  | 16 | 1 | 3.095 | 220 | 0 | 2.560 | 315 |
| **6** | **2030** | **108** | **40** | **2** | **62** | **4** | **12.090** | **800** | **110** | **9.920** | **1.260** |
| - | Sầm Sơn | 70 | 27 | 2 | 38 | 3 | 7.675 | 540 | 110 | 6.080 | 945 |
| - | Hoằng Hóa | 10 | 0 | 0 | 10 | 0 | 1.600 | 0 | 0 | 1.600 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 28 | 13 |  | 14 | 1 | 2.815 | 260 | 0 | 2.240 | 315 |